

**VẤN ĐỀ MÙ CHỮ VÀ TÁI MÙ VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ:
TRƯỜNG HỢP XÃ MUÔNG MUON VÀ NA SANG
HUYỆN MUÔNG CHÀ TỈNH ĐIỆN BIÊN**
ILLITERACY AND RECURRENT ILLITERACY IN AREAS OF ETHNIC
MINORITIES: THE CASE OF MUONG MUON AND NA SANG COMMUNES, MUONG
CHA DISTRICT, DIEN BIEN PROVINCE

TRẦN TRÍ DŨI

(GS.TS; Đại học KHXH & NV, ĐHQGHN)

Abstract: Muong Cha, a mountainous district in Dien Bien province, is the dwelling territory of 13 ethnic groups, among which Hmong accounts for 62.02%, Thai 22.15%, Kinh 6.80%, Khmu 4.76%, and others. The district currently has 12 administrative units, among which Muong Muon and Na Sang are considered two among the most disadvantaged mountainous communes with 55.37% households in poverty (2007 data).

Criteria used to determine "illiteracy" in this paper are adopted from Decisions and Circulars of Vietnam Ministry of Education and Training. According to a survey conducted in January 2013 on 645 people, *the actual illiteracy rate* (including *recurrent illiteracy* and *illiteracy*) of four villages of these two communes is as high as 46.20%. If the standards set by Vietnam Ministry of Education and Training in Circular No. 14 - GDĐT in 1997 are applied, these places cannot be considered basically free from illiteracy. Among five ethnic groups residing in this location, Hmong has the highest actual illiteracy rate (78.56%), followed by Khang (accounting for 70.96%), the next is Khmu people (68.65%), followed by Thai (51.69%); and the last is Kinh people (05.88%). On the other hand, there exists some difference, though insignificant, between the actual illiteracy rates among females and males (with fewer males than females). However, in sex-disaggregated figures, female illiteracy rate stands at 51.58%, while males account for 35.47%; 29.05% males return to illiteracy whereas recurrent illiteracy occurs among only 15.79% females. When analyzed by age, the actual illiteracy proportions are 46.25% among the 6-18 age group, 74.13% among the 19-54 age group (females) and 19-60 age group (males), and 89.28% in the group beyond working age.

Key words: illiteracy; recurrent illiteracy; ethnic minority; Muong Cha; satisfaction of illiteracy elimination standards.

1. Hai xã Mường Mươn và Na Sang huyện Mường Chà tỉnh Điện Biên

1.1. Huyện Mường Chà tỉnh Điện Biên

Mường Chà là một huyện dân tộc miền núi của tỉnh Điện Biên; phía Bắc giáp thị xã Mường Lay, phía Nam giáp huyện Điện Biên; phía Đông giáp huyện Tủa Chùa và Tuần Giáo, phía Tây giáp huyện Nậm Pồ (mới được thành lập năm 2013) và Lào. Mường Chà là địa bàn cư trú của 13 dân tộc, với số dân 56.283 người (số liệu điều tra tháng 1/2013). Trong đó, theo thứ tự là dân tộc Mông (62,02%), Thái (22,15%), Kinh (6,80%), Khơ Mú (4,76%), Hoa (2,10%), Kháng (1,70%), còn lại là các dân tộc khác. Huyện Mường Chà hiện có 12 đơn vị hành chính gồm thị trấn Mường Chà và 11 xã, trong đó có hai xã Mường Mươn và Na Sang.

Mường Chà có địa hình bị chia cắt phức tạp với nhiều dãy núi cao; có hệ thống sông suối dày đặc; có khí hậu khắc nghiệt quanh năm; dân cư cư trú phân tán. Điều kiện tự nhiên - xã hội đó đã làm hạn chế tiềm năng phát triển kinh tế của huyện. Hơn nữa, nguồn nhân lực lao động nông nghiệp ở đây còn bất cập về cả số lượng lẫn chất lượng; cho nên, huyện Mường Chà được xếp vào một trong những huyện dân tộc miền núi khó khăn với 11/12 xã thuộc diện đặc biệt khó khăn do tỉ lệ đói nghèo cao (số liệu năm 2007 có 55,37% số hộ đói nghèo, cao gần gấp đôi trung bình của tỉnh Điện Biên), hạ tầng cơ sở và giao thông được coi là nơi kém phát triển.

Theo báo cáo của huyện Mường Chà do Phòng GD¹⁾ và ĐT cung cấp, vào thời điểm tháng 12/2012, tình trạng mù chữ ở địa bàn là như sau: a, Tỉ lệ mù chữ ở độ tuổi 15 – 25

của huyện là 1.4%; b, Tỷ lệ mù chữ ở độ tuổi 26 – 35 là 9.7%; c, Còn tỷ lệ mù chữ ở độ tuổi 36 trở lên là 30.9%. Với tỷ lệ như thế này, căn cứ “Tiêu chuẩn biết chữ” theo Thông tư số 14-GDĐT ngày 05 tháng 08 năm 1997 của Bộ GD và ĐT [Bộ GD&ĐT (1997)], Mường Chà là huyện dân tộc miền núi đạt chuẩn PCGDTH (tức là huyện *đạt chuẩn Xóa Mù chữ*).

Khi tiến hành khảo sát thực trạng mù chữ và tái mù tại huyện Mường Chà, chúng tôi được Phòng GD và ĐT giới thiệu đến làm việc tại địa bàn hai xã Mường Mươn và Na Sang. Theo lý giải của địa phương, đây vừa là hai xã thuộc địa bàn đa dân tộc, vừa là hai xã nông thôn nằm ở vùng trung tâm có phong trào giáo dục tương đối phát triển và là địa bàn có kết quả PCGDTH-XM vào diện khá/tốt của huyện; đồng thời, tuy là địa bàn biên giới nhưng giao thông ở hai xã cũng tương đối thuận tiện vì có đường quốc lộ chạy qua. Đó là lý do vì sao khi nghiên cứu tình hình mù chữ và tái mù vùng dân tộc miền núi huyện Mường Chà, chúng tôi lại chọn địa bàn hai xã Mường Mươn và Na Sang để khảo sát nghiên cứu.

1.2. Về địa bàn hai xã Mường Mươn và Na Sang

Mường Mươn là xã ở phía Nam của huyện, chạy dọc ven sông Nậm Mức. Phía Bắc là xã Na Sang; phía Tây là biên giới với nước Lào và xã Ma Thì Hồ; phía Nam là xã Mường Pồn và Nà Tấu thuộc huyện Điện Biên; phía Đông là xã Mường Đẳng huyện Mường Ảng và xã Nà Sây, Mường Mùn huyện Tuần Giáo. Đây là xã có nhiều thành phần dân tộc và thuộc khu vực biên giới nên những vấn đề về dân tộc, chính trị cũng như xã hội là điển hình của huyện. Xã hiện có 11 bản, gồm 632 hộ với 3570 khẩu. Trong đó, dân tộc Mông chiếm 53%, Khơ Mú là 26,89%, Thái là 18,82%, còn lại là dân tộc Kinh với 1,29%.

Đây cũng là xã được ghi nhận cư dân có đời sống kinh tế khó khăn với 61,55% hộ

nghèo và 18,04% hộ thuộc diện cận nghèo. Theo thống kê của Phòng GD và ĐT huyện Mường Chà, ghi ngày 30/12/2012, tỷ lệ người người mù chữ trong độ tuổi 15 – 25 ở xã là 0,2%, còn trong độ tuổi 26 – 35 là 10,2% và từ 36 tuổi trở lên là 6,2%.

Na Sang cũng là một xã thuộc vùng biên giới có địa hình phức tạp và nằm ở trung tâm huyện; phía Bắc giáp xã Sa Lông, thị trấn Mường Chà và xã Hừa Ngải; phía Tây giáp xã Ma Thì Hồ; phía Nam là xã Mường Mươn; phía Đông là xã Mường Mùn huyện Tuần Giáo. Xã có 736 hộ với 4299 nhân khẩu gồm 5 dân tộc, trong đó dân tộc Mông chiếm 52,30%, Kháng chiếm 19,70%, Khơ Mú là 19,50%, Thái chiếm 8,60%, còn lại là dân tộc Kinh với 3,50%.

So với Mường Mươn, kinh tế của xã Na Sang có phần phát triển hơn. Cũng theo số liệu của Phòng GD và ĐT, tính đến 30/12/2012, xã có 0,3% số dân trong độ tuổi 15 - 25 thuộc diện mù chữ, 7,5 % dân trong độ tuổi từ 26 – 35 thuộc diện mù chữ và 9,2% dân trong độ tuổi từ 36 tuổi trở lên thuộc diện mù chữ. Như vậy, theo tiêu chí ghi tại Thông tư số 14-GDĐT ngày 05 tháng 8 năm 1997 của Bộ GD và ĐT, hai xã Mường Mươn và Na Sang là những đơn vị đủ điều kiện được công nhận đã thanh toán nạn mù chữ.

2. Tình trạng mù chữ và tái mù chữ ở Mường Mươn và Na Sang

2.1. Khái niệm mù chữ, tái mù chữ và cách thức khảo sát

Khái niệm *mù chữ* (*illiteracy*) và *tái mù* (*reilliteracy*) sử dụng trong bài viết đã được chúng tôi trình bày cụ thể ở tài liệu tham khảo số 5 [T.T.Đôi (2013)]. Trên nguyên tắc, các khái niệm cũng như tiêu chí nhận diện những vấn đề này đều dựa theo nội dung Quyết định (hay Thông tư) của Bộ GD và ĐT, cơ quan nhà nước quản lý giáo dục ở Việt Nam, công bố từ năm 1956 đến năm 2008. Theo đó, *trước hết* người đã học từ *lớp 1 đến lớp 3 tiểu học đạt yêu cầu* được coi

là đã “xóa mù”; còn nếu bỏ học giữa chừng thì là người “mù chữ”; điều này là để phân biệt người ở tuổi tiểu học vẫn đang đi học được coi là “không mù chữ” và người ở độ tuổi từ lớp 1 đến lớp 3 trở lên nhưng không đi học thì là người “mù chữ”. *Thứ hai*, những người tự học (chưa đến trường) nếu không đạt trình độ tương đương lớp 3 thì cũng được coi là người “mù chữ”. *Thứ ba*, những người đã học qua lớp 3 nhưng khi kiểm tra mà không đạt trình độ lớp 3 thì được xem là những người “tái mù chữ”. Trong một đơn vị cư trú, số lượng những người “mù chữ” cộng với số người “tái mù” sẽ là số lượng người “mù chữ thực tế”. *Thứ tư*, đối với đồng bào dân tộc thiểu số, nếu biết chữ dân tộc đạt trình độ lớp 3 thì cũng được xem là những người “không mù chữ”. Việc chúng tôi áp dụng những tiêu chí của Việt Nam như đã nói là, về cơ bản, phù hợp với thực tế giáo dục của xã hội nước ta hiện nay, nhất là đối với vùng dân tộc thiểu số miền núi.

Cách thức khảo sát tình hình mù chữ và tái mù ở hai xã Mường Mươn và Na Sang là như sau. Trước hết, chúng tôi lập “bảng hỏi” để thu thập thông tin cá nhân, trình độ học vấn v.v.; bảng hỏi được thiết kế có phần kiểm tra nội dung “đạt trình độ lớp 3” gồm khả năng đọc, khả năng viết và khả năng hiểu theo những mức khác nhau mà những Quyết định (hay Thông tư) của Bộ GD và ĐT đã quy định. Văn bản được đưa ra để

kiểm tra những nội dung nói trên là những vần thơ, đoạn văn hay là những câu nói quen thuộc đã được giảng dạy hoặc có trong chương trình *Tiếng Việt lớp 3* Tiểu học.

Tiếp theo, khi tiến hành khảo sát ở địa bàn, các nội dung trong bảng hỏi cũng như phần kiểm tra trình độ đều phải do người đi nghiên cứu điền dã trực tiếp thực hiện. Như vậy, mỗi phiếu phỏng vấn một đối tượng được khảo sát sẽ là kết quả làm việc của một người nghiên cứu. Ở hai xã Mường Mươn và Na Sang, do cách tiếp cận nghiên cứu trường hợp, chúng tôi chỉ thực hiện việc khảo sát, trên nguyên tắc, tất cả cư dân tại 04 đơn vị cư trú (bản). Nói rằng trên nguyên tắc là vì trong thời gian khảo sát, chúng tôi tiến hành phỏng vấn tất cả những cư dân hiện có mặt ở nơi cư trú vào thời điểm đó. Cách làm như trên là để thu được một tỉ lệ thực tế ở một địa bàn cư trú cụ thể.

Như vậy, với tiêu chí và cách làm như đã mô tả, chúng tôi có được số liệu nghiên cứu tại địa bàn Mường Mươn và Na Sang như mục 2.2 tiếp theo.

2.2. Kết quả khảo sát thực tế

2.2.1. Tổng hợp kết quả tại hai xã Mường Mươn và Na Sang

Trong số 645 người được phỏng vấn ở 4 điểm cư dân, số mù chữ là 290/645 người (44,96%) và số tái mù chữ là 137/ 645 người (21,24%), cộng lại là 66,20% người “mù chữ thực tế”. Số liệu cụ thể ở mỗi xã được thể hiện ở bảng dưới đây:

Xã	Tổng số	Mù chữ (người)		Tái mù chữ (người)	
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
M. Mươn	540	247	47,59%	115	21,29%
Na Sang	105	43	40,95%	22	20,95%
Tổng	645	290	44,96%	137	21,24 %

Bảng 1. Số liệu về mù chữ và tái mù chữ ở Mường Mươn và Na Sang

2.2.2. Kết quả khảo sát ở mỗi điểm cư trú
Dưới đây là những số liệu cụ thể về số lượng cũng như tỉ lệ người thuộc diện mù

chữ và tái mù chữ ở mỗi bản thuộc hai xã nói trên.

Xã	Bản	Tổng số	Mù chữ	Tỉ lệ	Tái mù chữ	Tỉ lệ
	Púng Giắt	297	153	51,51%	49	16,49%

Mường Mươn	M. Mươn 2	77	16	20.77%	20	25.97%
	Huổi Vang	166	78	46.99%	46	27.71%
Na Sang	Hin 2	85	40	47.06%	15	17.65%
	Khác²⁾	20	3	15.00%	7	35.00%
Cộng		645	290	44,96%	137	21,24%

Bảng 2. Số liệu thực trạng mù chữ và tái mù chữ ở điểm cư trú

Số liệu nói trên cho thấy bản Púng Giắt có 297 người được phỏng vấn thì 153 người mù chữ (51.51%) và 49 người tái mù (16,49%); còn ở bản Huổi Vang trong 166 người được khảo sát thì có 78 người mù chữ (46.99%) và 46 người tái mù (27.71%). Như vậy, tỉ lệ mù chữ thực tế của hai bản này đều ở mức cao: Púng Giắt là 68,65% và Huổi Vang 74.70%. Đây là hai bản vừa có thành phần dân tộc khác nhau là Khơ Mú, Mông và Thái cùng cư trú, vừa là điểm định cư xa trung tâm xã. Trong khi đó, bản Mường Mươn 2 nhờ có thành phần dân tộc thuần

Thái và ở ngay trung tâm xã nên tỉ lệ mù chữ thực tế thấp hơn (46,74%). Còn lại, bản Hin 2 chủ yếu là dân tộc Kháng nhưng cũng có tỉ lệ người mù chữ thực tế lên đến trên 64,71% cư dân.

2.2.3 .Tình trạng mù chữ và tái mù chữ chia theo giới tính

Để nhận biết rõ đặc điểm mù chữ và tái mù chữ của thành phần cư dân, khi thống kê cụ thể, chúng tôi đã chia số liệu theo tình trạng giới tính (Nam/Nữ) và kết quả là như sau:

Xã	Nam					Nữ				
	Tổng số	Mù chữ	Tỉ lệ %	Tái mù	Tỉ lệ %	Tổng số	Mù chữ	Tỉ lệ %	Tái mù	Tỉ lệ %
Mường Mươn	225	82	36.44	65	28.89	315	165	52.38	50	30.30
Na Sang	40	12	30.00	12	30.00	65	31	47.69	10	15.38
Tổng	265	94	35.47	77	29.05	380	196	51.58	60	15.79

Bảng 3. Thực trạng mù chữ, tái mù chữ chia theo giới tính ở hai xã

Qua số liệu, có thể dễ dàng nhận thấy sự chênh lệch về tỉ lệ người mù chữ giữa nam giới và nữ giới là khá rõ ràng. Cụ thể, tỉ lệ nữ giới hiện thuộc diện mù chữ thực tế là 67.37%), lớn hơn nam giới với 64,52%. Sự chênh lệch giữa nam và nữ, có lẽ, phản ánh tình trạng chênh lệch trong việc thụ hưởng giáo dục theo giới tính và là dấu hiệu của sự bất bình đẳng giữa nam và nữ về quyền được tiếp nhận giáo dục.

2.2.4. Số liệu mù chữ và tái mù chia theo độ tuổi lao động

Khi khảo sát tình trạng mù chữ và tái mù ở Mường Chà, chúng tôi mở rộng đối tượng từ 6 tuổi trở lên mà không bắt đầu từ tuổi 15 như quy định trong công tác PCGDTH-XM của Bộ GD và ĐT. Các đối tượng được phỏng vấn chia theo ba độ tuổi a, Tuổi đi học (từ 6 đến 18), b, Tuổi lao động (từ 19 đến 54 với nữ và 59 với nam), c, Tuổi hết sức lao động (từ 55 trở lên với nữ và 60 trở lên đối với nam). Con số cụ thể là như sau³⁾.

Xã/người	Tổng số 645 người					
	Tuổi 6-18: 214 người		Tuổi 19-54(nữ)/59 (nam): 375 người		Sau 55 nữ/ 60(nam): 56 người	
	MC	TM	MC	TM	MC	TM
MM/ 540	15	67	197	44	35	4

NS/105	4	13	28	9	11	0
Cộng	19	80	225	53	46	4
Tỉ lệ 1	8,87%	37,38%	60,00%	14,13%	82,14%	7,14%
Tỉ lệ 2	2,94%	12,40%	34,88%	8,21%	7,13%	0,62%

Bảng 4. Số liệu mù chữ và tái mù chữ chia theo độ tuổi

Với số liệu trên, chúng ta sẽ thấy tình trạng mù chữ thực tế rõ ràng có sự khác biệt tăng dần theo độ tuổi trên từ thấp lên cao. Cụ thể, ở độ tuổi đi học tỉ lệ ấy là 46,25%; trong khi đó, ở độ tuổi lao động tỉ lệ là 74,13% và ở độ tuổi hết sức lao động tỉ lệ là 89,28%. Số liệu nói trên cho phép hiểu rằng hiện giờ, phần lớn các em ở tuổi đến trường đều được đi học. Tuy nhiên số tái mù ở lứa tuổi này cho thấy chất lượng của những em đã qua lớp 3 tiểu học là không thật chắc chắn. Với tình trạng mù chữ thực tế trong độ tuổi lao động ở mức độ cao, rõ ràng vấn đề chất

lượng nhân lực lao động ở vùng dân tộc miền núi là một thực trạng đáng báo động.

2.2.5. Số liệu mù chữ và tái mù chữ theo thành phần dân tộc

Thông tin của địa phương cho biết, ở hai xã này chỉ có 5 dân tộc cùng chung sống là Mông, Khơ Mú, Kháng, Thái và Kinh. Song trên thực tế, trong phiếu phỏng vấn vào tháng 1 năm 2013, còn thấy có thêm 4 người thuộc dân tộc khác là Dao và Mường. Kết quả khảo sát ở bốn bản thuộc hai xã được thể hiện trong bảng dưới đây⁴⁾.

Dân tộc	Mù chữ		Tái mù chữ	
	Người	Tỉ lệ (%)	Người	Tỉ lệ (%)
Mông	46/87	52.87	22/87	25.29
Kháng	32/62	51.61	12/62	19.35
Dao/Mường	02/04	50.00	01/04	25.00
Khơ Mú	184/386	47.67	081/386	20.98
Thái	25/89	28.09	21/89	23.60
Kinh	01/17	05.88	00/17	00.00
Tổng	290/645	44.96	137/645	21.24

Bảng 5. Mù chữ, tái mù chữ ở Mường Mươn và Na Sang theo dân tộc

Số liệu nói trên cho thấy, nếu xét về tình trạng mù chữ thực tế, tỉ lệ người mù chữ ở dân tộc Mông là cao nhất (78.56%) trong số 05 dân tộc chính thức sinh sống trên địa bàn. Tiếp theo là dân tộc Kháng (chiếm 70.96%) và sau đó là dân tộc Khơ Mú (68.65%). Với một tỉ lệ mù chữ thực tế cao như vậy, rõ ràng nó sẽ có tác động không nhỏ đến chất lượng nguồn nhân lực trong lao động của người dân tộc thiểu số cũng như vấn đề hoạt động văn hóa xã hội vùng dân tộc thiểu số miền núi.

So với ba dân tộc nói trên, người Thái ở địa bàn có tỉ lệ mù chữ thực tế thấp hơn nhưng cũng chiếm trên 1/2 số người được phỏng vấn (51.69%). Đối với người Kinh thì

trong số 17 người được phỏng vấn, chỉ có duy nhất 1 người là thuộc diện mù chữ. Hiện tượng này, theo chúng tôi, cũng là điều bình thường, bởi những người Kinh sinh sống ở đây đều là những người có gốc gác từ miền xuôi di cư lên vùng miền núi. Trước đây, đa phần họ đã từng hoàn thành học cấp 2 ở quê, vì nhiệm vụ hay công việc mới chuyển đến định cư tại đây. Con cái trong gia đình bộ phận này có nhu cầu đi học cho dù họ sinh sống ở vùng miền núi. Qua tìm hiểu thực tế, trường hợp mù chữ là người Kinh mà chúng tôi nói tới có lí do về vấn đề sức khỏe nên kinh tế gia đình gặp khó khăn; vì thế người này không đến trường được như những

người Kinh khác sinh sống trên cùng địa bàn.

3. Nhận xét

Như vậy, với những số liệu khảo sát thực tế thu được, chúng ta có thể đưa ra một vài nhận xét về tình trạng mù chữ và tái mù vùng miền núi dân tộc ở Mường Mươn và Na Sang thuộc huyện Mường Chà.

Thứ nhất, có thể thấy rằng hình như con số thu được qua khảo sát thực tế chưa tương thích với con số mà cơ quan quản lý PCGDTH-XM địa phương đã thông báo. Biết rằng con số đã thông báo là tính theo độ tuổi do cơ quan quản lý PCGDTH-XM quy định, có khác với độ tuổi theo thực tế khảo sát; đồng thời, phạm vi địa lý để tính tỉ lệ cũng rộng hơn. Tuy nhiên, mức độ khác biệt về tỉ lệ như thế là rất lớn. Chúng ta có cơ sở để nghĩ rằng cho dù sự chưa tương thích ấy có thể được điều chỉnh về kỹ thuật để thu hẹp lại, nhưng nó cũng đã phản ánh một thực trạng là tình trạng mù chữ thực tế trong vùng miền núi dân tộc ở bốn bản của Mường Mươn và Na Sang thuộc huyện Mường Chà là rất cao. Nếu áp dụng tiêu chuẩn quy định cho đơn vị cơ sở mà Bộ GD và ĐT công bố ở Thông tư số 14 - GDĐT ngày 5 tháng 8 năm 1997, chúng ta chưa thể nói vùng miền núi dân tộc nơi chúng ta khảo sát đã là đơn vị cơ sở xóa được nạn mù chữ.

Thứ hai, 05 dân tộc cư trú trên địa bàn có tình trạng mù chữ thực tế khác nhau. Theo đó, đồng bào Mông là dân tộc có tỉ lệ cao nhất (78.56%); tiếp theo là người Kháng (chiếm 70.96%); sau đó là dân tộc Khơ Mú (68.65%); tiếp theo nữa là người Thái với tỉ lệ trên 1/2 số người được phỏng vấn (51.69%); cuối cùng mới là người Kinh (05,88%). Tình trạng này, có lẽ, phản ánh sự khác biệt về mức độ thụ hưởng giáo dục cũng như sử dụng tiếng Việt vùng miền núi dân tộc Mường Chà là không như nhau giữa các dân tộc. Đến lượt mình, sự khác biệt về

mức độ thụ hưởng giáo dục và sử dụng tiếng Việt khác nhau sẽ phản ánh kết quả tiếp nhận giáo dục giữa các dân tộc là khác nhau; dẫn đến sự khác nhau về chất lượng nguồn nhân lực lao động giữa các cộng đồng.

Thứ ba, nhìn chung mức độ mù chữ thực tế giữa nam và nữ ở vùng miền núi dân tộc Mường Chà có sự khác biệt (trong đó tỉ lệ ở nam thấp hơn ở nữ), nhưng sự khác biệt ấy là không nhiều. Tuy nhiên, nếu nhìn riêng về tỉ lệ mù chữ và tái mù chữ, chúng ta sẽ thấy giữa nam và nữ có sự khác biệt đáng kể. Theo đó, ở nữ giới tỉ lệ mù chữ là cao hơn (nữ 51.58%, nam 35.47%) còn ở nam giới tỉ lệ tái mù lại cao hơn (nam 29.05%, nữ 15.79%). Điều này theo chúng tôi, có lẽ, phản ánh một thực tế là nữ giới ở vùng miền núi dân tộc Mường Chà được thụ hưởng giáo dục tiếng Việt ít hơn nhưng họ sử dụng tiếng Việt nhiều hơn.

Cuối cùng, chúng ta đều thấy có khác biệt về tỉ lệ mù chữ thực tế theo từng lứa tuổi ở vùng miền núi dân tộc Mường Chà. Cụ thể, ở lứa tuổi 16-18, tỉ lệ đó thuộc mức thấp (46,25%); ở lứa tuổi 19-54 (nữ)/60 (nam), tỉ lệ này là 74,13%; và ở tuổi hết lao động tỉ lệ đó là 89.28%. Tình trạng nói trên phản ánh một hiện thực rất đáng chú ý. Theo đó, có thể tin chắc rằng trong thời gian gần đây, thành quả giáo dục tiếng Việt ở vùng miền núi dân tộc Mường Chà là đáng khích lệ; và chứng cứ của thành quả này là tỉ lệ mù chữ thực tế trong lứa tuổi 16-18 ở mức thấp nhất. Cho nên, có quyền nghĩ rằng nếu chúng ta tiếp tục duy trì và thúc đẩy hơn nữa hoạt động giáo dục vùng miền núi dân tộc, chúng ta mới có thể cải thiện đáng kể chất lượng nhân lực lao động ở vùng lãnh thổ đặc thù này. Khi đó, mục tiêu phát triển vùng dân tộc thiểu số miền núi của nước ta mới trở nên bền vững.

Chú thích:

1) Những chữ viết tắt trong bài: Giáo dục và Đào tạo (GD và ĐT); phổ cập giáo dục tiểu học – xóa mù (PCGDTH-XM); phổ cập giáo dục tiểu học (PCGDTH); giáo dục đào tạo (GDĐT); mù chữ (MC); tái mù chữ (TM); Mường Mươn (MM).

2) Xin nói thêm là, khi làm việc chúng tôi đã gặp và phỏng vấn những người trong xã vãng lai đến bốn bản nói trên. Những người thuộc diện vãng lai ấy, tuy được tính là dân số của xã nhưng không thuộc 04 bản nên chúng tôi gọi là những người khác.

3) Khi tính tỉ lệ mù chữ và tái mù chữ, bảng thống kê nêu theo hai chỉ số. *Tỉ lệ 1* là tỉ lệ mù chữ tính trong tổng số độ tuổi; còn *tỉ lệ 2* là tỉ lệ mù chữ so với tổng số người được khảo sát.

4) Trật tự các dân tộc ở đây được xếp theo tỉ lệ mù chữ từ cao xuống thấp; đồng thời tỉ lệ mù chữ ở đây là tỉ lệ giữa những người mù chữ (con số thứ nhất) và số người được phỏng vấn (con số thứ hai).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục (1956), *Quyết định 317/QĐ ngày 26/5/1956* của Bộ GD và Đào tạo.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1997), *Thông tư số 14 - GDĐT ngày 5 tháng 8 năm 1997* của Bộ GD&ĐT.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Quyết định số 13/2007/QĐ-BGD&ĐT* của Bộ GD&ĐT.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quyết định số 79/2008/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2008* của Bộ GD&ĐT.

5. Trần Trí Dõi (2013), *Thảo luận về vấn đề mù chữ và tái mù chữ: tiêu chí nhận diện trong hoạt động giáo dục ở Việt Nam*, Hội thảo Ngôn ngữ học toàn quốc lần thứ 17,

Đại học Ngoại ngữ-Đại học Huế, 16 tháng 4/2013.

6. Trần Trí Dõi (2003), *Thực trạng giáo dục ngôn ngữ ở vùng dân tộc miền núi ba tỉnh phía bắc Việt Nam - Những kiến nghị và giải pháp*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2003.

7. Vũ Đình Hòa (2012), *Nguyễn Công Mỹ tư lệnh chiến dịch diệt giặc dốt*, Xưa & nay số 418 tháng 12 năm 2012, tr 16-18.

8. Nguyễn Đình Hương (2009), *Việt Nam hướng tới nền giáo dục hiện đại*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2009.

9. Nguyễn Văn Khang (2012), *Ngôn ngữ học xã hội*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2012.

10. Nguyễn Văn Khang (2011), *Chính sách ngôn ngữ của Đảng và Nhà nước về công tác xóa mù chữ*, Ngôn ngữ, số 7(266)/2011, tr1-13.

11. Viện Ngôn ngữ học (1992), *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm Từ điển Ngôn ngữ, Hà Nội, 1992.

12. Viện Ngôn ngữ học (2010), *Tình hình mù chữ, tái mù chữ và vấn đề xóa mù chữ ở Việt Nam trong thời kỳ hiện đại hóa, công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế*, Đề tài NCKH cấp Bộ do TS Phạm Tất Thắng chủ trì (nghiệm thu 2010), 235 tr A4.

13. http://vi.wikipedia.org/wiki/Biết_chữ, (truy cập ngày 20.01.2013).

(Ban Biên tập nhận bài ngày 17-01-2014)